

Bản án số: 20/2019/HS-ST
Ngày 10-10-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thanh

Thẩm phán: Ông Phạm Hoàng Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Hồng Luyện

Ông Võ Quốc Thoại

Ông Nguyễn Hoa Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ánh Trúc - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Quốc Thái - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2019/TLST-HS ngày 27 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

ĐẶNG MINH K (Tên gọi khác: S) – sinh năm: 1999 tại tỉnh Hậu Giang. Nơi đăng ký thường trú: Khu vực 6, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Minh Q và bà Trần Thị Thanh T; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 14/4/2019. (Có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo:

Luật sư Trần Văn Đ – Văn phòng Luật sư Đ thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hậu Giang, bào chữa chỉ định cho bị cáo. (Có mặt).

- Bị hại:

1. Nguyễn Minh T1 – sinh năm 1999 (Chết);

Trú tại: Ấp 8, xã T, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

2. Lê Văn T2 – sinh năm 1998; (Có mặt).

Trú tại: Ấp 8, xã T, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Minh T1:*

1. Nguyễn Văn M – sinh năm 1980; (Có mặt).

Trú tại: Ấp 8, xã T, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

2. Nguyễn Thúy D – sinh năm 1978; (Có mặt).

Trú tại: Ấp 8, xã T, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Đặng Minh Q – sinh năm 1978; (Có mặt).

Trú tại: Khu vực 6, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

2. Trần Thị Thanh T – sinh năm 1979; (Có mặt).

Trú tại: Khu vực 6, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

3. Nguyễn Thị Mỹ D1 – sinh năm 1993; (Vắng mặt).

Trú tại: Khu vực 5, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

- *Người làm chứng:*

1. Nguyễn Văn L; (Có mặt).

2. Khuru Thành T3; (Vắng mặt).

3. Nguyễn Quốc L1; (Vắng mặt).

4. Nguyễn Thị Quỳnh N; (Vắng mặt).

5. Châu Văn C; (Có mặt).

6. Phan Thị Kim T4; (Vắng mặt).

7. Đặng Mỹ N2. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 13/4/2019, sau khi nghỉ uống rượu tại nhà của Nguyễn Văn H1, Đặng Minh K điều khiển xe máy nhãn hiệu V, biển số 95B1-540.79 chở Phan Thị Kim T4 đến nhà Nguyễn Hoàng H, sinh năm 1988 tại ấp 7, xã T, huyện L, tỉnh Hậu Giang tiếp tục uống rượu cùng với H; Lê Văn T2, Nguyễn Minh T1, Trần Văn K và Nguyễn Sơn A. Trong quá trình uống rượu, T2 đã hiểu lầm K là bạn trai của T4, từ đó giữa T2 và T4 đã xảy ra mâu thuẫn, cùng lúc này K nhận được điện thoại của mẹ ruột và đi ra ngoài nói chuyện, T2 cho rằng K gọi người vào để đánh mình nên giữa T2 và K có lời qua tiếng lại với nhau. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, K điều khiển xe chở T4 đi Vị Thanh thăm bạn.

Khi K điều khiển xe chở T4 đến thị trấn N, huyện V thì T2 sử dụng phần mềm Zalo gọi rủ T4 quay trở lại thị xã L hát karaoke và T4 đồng ý. Một lúc sau, K điều khiển xe chở T4 đến gặp T2 tại bờ kè thị xã L, T2 điều khiển

xe chở K và T4 tìm quán hát karaoke nhưng không có nên quay lại quán ăn ở gần cầu T5 gặp T1 và Nguyễn Thị Quỳnh N. Sau đó, T4 một mình điều khiển xe đi tìm quán hát karaoke. Sau khi tìm được quán, T4 điều khiển xe quay trở lại thông báo cho cả nhóm, T2 điều khiển xe chở T4 và K đến quán karaoke Y thuộc khu vực 5, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang và được sắp xếp vào Phòng số 5. Khoảng 20 phút sau, T1 và N đến, lúc này do mọi người chỉ tập trung vào nhau không ai chú ý đến mình nên K điều khiển xe đến quán ăn gần cầu B rước Châu Văn C đến quán Y uống bia và hát karaoke cùng nhóm trên; trên đường đi K ghé vào chợ L đến nơi mẹ ruột buôn bán hàng ngày lấy một cái bao nylon màu trắng mang theo mục đích sau khi uống bia xong sẽ rủ C bắt gà tại N gửi lên Bình Dương bán.

Khi đến quán Y, K đậu xe bên ngoài cổng rào rồi cùng C đi bộ vào trong, K đội nón bảo hiểm, loại nón sơn màu đen, có lưỡi chai bằng vải màu đen, tay cầm cái bao đi trước, C đi theo sau, đến cửa phòng do thấy có nhiều người lạ nên C quay trở ra, còn K đứng bên ngoài đẩy cửa phòng và dùng tay “ngoắc” ra tín hiệu kêu T4 ra về. C và K đi ra ngoài, T4 và T2 theo sau. Khi ra trước cổng quán, K hỏi T2: *“Hỏi chiêu ai đòi đánh tao?”*, sau đó K để cái bao xuống sân và bắt đầu lời qua tiếng lại với T2 (*Lúc này khoảng 02 giờ 30 phút ngày 14/4/2019*). Ở tư thế đối diện nhau, T2 dùng tay trái nắm cổ áo trước ngực của K, tay phải nắm chặt 01 cái trứng vào mặt của K, K bị té ngã về sau làm rơi nón bảo hiểm xuống nền sân bê tông trước quán, K dùng tay phải cầm nón bảo hiểm đánh trả theo hướng từ phải qua trái trúng vào vai trái của T2, trong lúc K và T2 đánh nhau thì T1 từ trong quán leo rào ra hỗ trợ T2 đánh K, T1 dùng chân phải nhảy lên và đạp 01 cái trứng vào bụng của K. T1 và T2 tiếp tục dùng tay tấn công K làm rơi nón bảo hiểm xuống sân, K vừa đi lùi vừa đánh trả, hai bên đánh nhau và di chuyển đến đoạn giữa sân thì K ngồi xổm dùng 02 tay ôm đầu chống đỡ, T1 và T2 tiếp tục đánh trúng K nhiều cái vào vùng đầu, vai, lưng. K bỏ chạy đến vị trí xe máy V biển số 95B1-540.79, T1 và T2 đuổi theo, lúc này K nhìn thấy cây dao Thái Lan dài 23 cm, cán bằng gỗ dài 11,5 cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng, sắc bén một bề, mũi dao nhọn để trên ngăn chứa đồ phía trước, bên trái của xe (*Cây dao này là do trước đó khi uống rượu tại nhà của Nguyễn Văn H1 thì K đã lấy cây dao trên dùng để gọt xoài ăn, lúc này K chợt nhớ có 04 – 05 điều thuốc lá đang để trên ngăn đựng đồ bằng nhựa phía trước của xe máy nhãn hiệu V biển số 95B1-540.79 nên K đã cầm theo cây dao đi ra xe mục đích tìm gói thuốc không (rỗng) để các điều thuốc vào trong, khi lấy các điều thuốc đi thì K đã để quên cây dao trên xe*). K dùng tay trái cầm cán dao trong lòng bàn tay, mũi dao hướng về phía trước khi hai tay xuôi theo thân người, T2 đi đến đứng phía sau lưng của K dùng tay trái choàng qua vai trái chụp nắm vào cổ tay trái đang cầm dao của K, K và T2 giằng co nhau ra đến giữa sân. Tiếp theo, K chuyển đổi tay cầm dao sang bên tay phải làm đứt da mu bàn tay trái của mình, K cầm cán dao trong lòng bàn tay phải, mũi dao hướng về phía trước, đồng thời xoay người về sau, từ phải qua trái làm đứt da vùng bụng của T2. K tiếp tục dùng tay đang cầm đâm nhiều cái trứng vào vùng ngực trái, đường nách giữa

bên trái, vai trái và cánh tay trái phía trên của T2. Cùng lúc này, T1 xông vào dùng tay đánh K, ở tư thế đối diện nhau, K dùng dao đâm thẳng 01 cái trúng vào vùng ngực trái của T1, sau đó K bỏ chạy hướng về cầu B2, T2 đuổi theo được một đoạn thì quay lại và gục ngã xuống sân. K mang theo cây dao điều khiển xe về nhà của bà ngoại là bà Lê Thị Đ tại khu vực B, phường B1, thị xã L, tỉnh Hậu Giang thay đồ ra và để cây dao lại nhà bà Đ, tiếp theo K được cha ruột là ông Đặng Minh Q điều khiển xe đưa đến nhà cô ruột tại khu vực 6, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang nghỉ và bị bắt giữ. Đối với T1 và T2 được mọi người đưa đi cấp cứu nhưng T1 đã tử vong trên đường đến bệnh viện, còn T2 thì bị thương tích nặng.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 62/19/TT ngày 18/4/2019 của Trung tâm pháp y Sở y tế Hậu Giang kết luận: Nguyễn Minh T1 có vết thương trước ngực trái hình bầu dục, bờ mép sắc gọn; tụ huyết dưới da vùng ngực trái, đứt khoảng liên sườn số IV, V cung trước trái; bên trong khoang ngực trái chứa nhiều máu loãng và đông; đứt mặt trước màng tim bên trái; trong khoang màng tim chứa đầy máu loãng và đông, thủng mặt trước tim tâm nhĩ trái. Nguyên nhân T1 tử vong là do mất máu cấp do thủng tim, vết thương ngực trái do vật sắt nhọn gây nên.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 68/19/TgT ngày 21/5/2019 của Trung tâm pháp y Sở y tế Hậu Giang kết luận: Lê Văn T2 bị đa vết thương phần mềm ảnh hưởng thẩm mỹ; tổn thương nhu mô phổi trái, dày dính đáy phổi trái. Tổng tỷ lệ thương tích tổn hại đến sức khỏe hiện tại là 42% (*Vết thương ngực trái là 06%, vết thương đường nách giữa bên trái là 30%, vết thương vùng bụng là 13%, 03 vết thương mặt sau vai trái và 02 vết thương mặt sau 1/3 giữa cánh tay phải mỗi vết là 06%*); các vết thương do vật sắt nhọn gây nên.

Tại bản cáo trạng số 14/CT-VKS-P1 ngày 26 tháng 8 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang truy tố Đặng Minh K có lý lịch và hành vi phạm tội nêu trên ra trước Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang để xét xử về tội “Giết người” theo các điểm a, n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đặng Minh K phạm tội “Giết người”; áp dụng điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Đặng Minh K mức án từ 16 (mười sáu) đến 17 (mười bảy) năm tù. Về trách nhiệm dân sự đề nghị ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Đặng Minh K và người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Minh T1 và bị hại Lê Văn T2 như sau: Bị cáo Đặng Minh K bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Minh T1 với số tiền là 204.000.000 đồng, được khấu trừ số tiền 50.000.000 đồng ông Đặng Minh Q đã bồi thường trước, còn lại bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền 154.000.000 đồng và bồi thường cho bị hại Lê Văn T2 với số tiền là

61.618.465 đồng, được khấu trừ số tiền 15.000.000 đồng ông Đặng Minh Q đã bồi thường trước, còn lại bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền là 46.618.465 đồng; đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của ông Đặng Minh Q và bà Trần Thị Thanh T về việc liên đới cùng bị cáo Đặng Minh K bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Minh T1 và bị hại Lê Văn T2. Về xử lý vật chứng đề nghị tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án 02 tờ giấy bạc Polime, mỗi tờ mệnh giá 200.000 đồng Việt Nam, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J5, màu vàng, số IMEI: 352700/07/817139/3, sim số kèm theo 0328.733.990 và 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu bạc; tịch thu và tiêu hủy các vật chứng còn lại trong vụ án.

Ý kiến của người bào chữa: Thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không áp dụng cho bị cáo tình tiết “phạm tội có tính chất côn đồ” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự và áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ “phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra” theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Ý kiến của người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Minh T1: Về trách nhiệm hình sự của bị cáo đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền là 204.000.000 đồng, được khấu trừ số tiền 50.000.000 gia đình bị cáo đã bồi thường trước.

Ý kiến của bị hại Lê Văn T2: Về trách nhiệm hình sự của bị cáo đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Thừa nhận bản thân có một phần lỗi dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo. Về trách nhiệm dân sự yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền là 61.618.464 đồng, được khấu trừ số tiền 15.000.000 đồng gia đình bị cáo đã bồi thường trước.

Ý kiến của bị cáo K: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố và đồng ý bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của bị hại T2, yêu cầu của đại diện hợp pháp của bị hại T1.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Minh Q và bà Trần Thị Thanh T: Việc gia đình đã bồi thường một phần thiệt hại là tự nguyện, không yêu cầu bị cáo phải trả lại, đồng thời tự nguyện liên đới cùng bị cáo bồi thường số tiền còn lại cho người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Minh T1 và bị hại Lê Văn T2 theo thỏa thuận của bị cáo và bị hại T2, đại diện hợp pháp của bị hại T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử.

Về nội dung vụ án:

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo Đặng Minh K: Tại phiên toà, bị cáo Đặng Minh K thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện theo như nội dung của bản cáo trạng đã truy tố. Qua phân tích, đánh giá những vấn đề được tranh tụng tại phiên tòa, các chứng cứ, tài liệu được thể hiện trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, đã có đủ cơ sở chứng minh được rằng: Vào ngày 14/4/2019, bị cáo Đặng Minh K đã thực hiện hành vi dùng dao đâm nhiều nhát vào cơ thể trong đó có 01 nhát trúng vào vùng ngực trái, 01 nhát trúng vào đường nách giữa bên trái của bị hại Lê Văn T2 và đâm 01 nhát vào vùng ngực trái của bị hại Nguyễn Minh T1. Hậu quả dẫn đến bị hại Nguyễn Minh T1 tử vong vì nguyên nhân mất máu cấp do thủng tim và gây thương tích cho bị hại Lê Văn T2 với tổng tỷ lệ thương tích tổn hại đến sức khỏe là 42%. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức rõ hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội và thấy trước hậu quả chết người có thể xảy ra khi bị cáo dùng loại dao sắc nhọn đâm vào vùng trọng yếu trên cơ thể của bị hại T1 và bị hại T2 nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện và có ý thức bỏ mặc cho hậu quả chết người xảy ra. Thực tế, hậu quả chết người đã xảy ra đối với bị hại T1. Đối với bị hại T2 tuy không chết nhưng với hành vi và ý thức khi phạm tội như đã phân tích, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm “giết người” theo quy định của Bộ luật Hình sự. Bên cạnh đó, chỉ vì mâu thuẫn do cự cãi giữa bị cáo và bị hại T2 mà bị cáo đã dùng dao đâm bị hại T2 trong lúc đánh nhau để giải quyết mâu thuẫn. Giữa bị cáo và bị hại T1 không có mối quan hệ quen biết và cũng không có mâu thuẫn với nhau nhưng do bị hại T1 tham gia đánh nhau với bị cáo trong lúc bị cáo và bị hại T2 đánh nhau nên bị cáo cũng dùng dao đâm bị hại T1 dẫn đến bị hại T1 tử vong. Điều đó cho thấy tính côn đồ, hung hăng, xem thường pháp luật của bị cáo. Vì vậy, Viện kiểm sát truy tố bị cáo phạm tội “Giết người” với 02 tình tiết định khung “giết 02 người trở lên” và “có tính chất côn đồ” theo các điểm a, n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng; trực tiếp xâm phạm đến tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ; không chỉ gây ra đau thương, mất mát cho gia đình nạn nhân mà còn gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Do đó, cần thiết phải có mức án nghiêm cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo được giáo dục, cải tạo thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung.

[4]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; bị cáo tích cực tác động gia đình khắc phục một phần hậu quả cho bị hại T2 với số tiền 15.000.000 đồng và gia đình bị hại T1 với số tiền 50.000.000 đồng; nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Ngoài ra, trong vụ án này bị hại T2 và bị hại T1 cũng có một phần lỗi, bị hại T2 tham gia cưỡi và đánh bị cáo trước; bị hại T1 khi thấy bị cáo và bị hại T2 đánh nhau lẽ ra phải ra sức can ngăn, nhưng ngược lại bị hại T1 lại cùng bị hại T2 đánh bị cáo trong khi giữa T1 và bị cáo không có mâu thuẫn gì. Vì vậy, khi quyết định hình phạt cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị hại T1 yêu cầu bị cáo bồi thường tiền mai táng phí là 55.000.000 đồng và bù đắp tổn thất tinh thần với số tiền bằng 100 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tương đương 149.000.000 đồng, được khấu trừ số tiền 50.000.000 đồng ông Đặng Minh Q đã bồi thường trước. Bị hại Lê Văn T2 yêu cầu bị cáo bồi thường các khoản chi phí điều trị thương tích và thu nhập thực tế bị mất với số tiền tổng cộng là 61.618.465 đồng, được khấu trừ số tiền 15.000.000 đồng ông Đặng Minh Q đã bồi thường trước. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của người đại diện hợp pháp của bị hại T1 và bị hại T2. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Bên cạnh đó, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đặng Minh Q và bà Trần Thị Thanh T là cha và mẹ của bị cáo tự nguyện có trách nhiệm liên đới cùng bị cáo bồi thường cho bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các đương sự, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6]. Về hành vi của các đối tượng khác có liên quan trong vụ án:

Đối với ông Đặng Minh Q: Mặc dù ông Q biết việc bị cáo tham gia đánh nhau với người khác và đã điều khiển xe chở bị cáo đến nhà cô của bị cáo tại khu vực 6, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang để nghỉ nhưng ông Q không biết hậu quả chết người đã xảy ra, không nhằm mục đích che giấu tội phạm và đồng thời ông Q đã tích cực hỗ trợ đưa lực lượng Công an đến nơi ở để truy bắt bị cáo nên không có đủ căn cứ để xử lý về hình sự đối với ông Q. Do đó, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát không xem xét xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với Lê Văn T2: Mặc dù đã có hành vi dùng tay tấn công vào cơ thể bị cáo nhưng không để lại thương tích, bản thân bị cáo cũng không yêu cầu. Do đó, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát không xem xét xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với Cơ sở Y: Cơ sở Y hoạt động karaoke quá giờ quy định, Cơ quan điều tra đã ra văn bản đề nghị Công an thị xã L xem xét ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[7]. Về ý kiến, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa tại phiên tòa:

Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, luật sư bào chữa cho bị cáo về việc áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ “gia đình có công với cách mạng” theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Liệt sỹ Lê Hữu T5 có mối quan hệ là cậu ruột của mẹ bị cáo, mối quan hệ huyết thống không gần gũi nên chưa đủ điều kiện để áp dụng tình tiết giảm nhẹ “gia đình có công với cách mạng” theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

Đối với đề nghị của luật sư bào chữa cho bị cáo về việc không áp dụng cho bị cáo tình tiết “phạm tội có tính chất côn đồ” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự và áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ “phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra” theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên nhân sự việc xảy ra xuất phát từ hành vi của bị cáo, do trước đó khi nhậu tại nhà Phạm Hoàng H giữa bị cáo và bị hại T2 đã xảy ra mâu thuẫn và lúc ở quán Karaoke Y không ai quan tâm đến bị cáo nên bị cáo tức giận và chủ động khiêu khích bị hại T2 trước. Đối với bị hại T1 không có mâu thuẫn gì với bị cáo nhưng do cùng bị hại T2 đánh nhau với bị cáo nên bị cáo dùng dao đâm chết. Vì vậy, xác định bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ là phù hợp. Bên cạnh đó, mặc dù bị hại T2 và bị hại T1 đánh bị cáo trước nhưng chính bị cáo là người khiêu khích sự việc đánh nhau, bị cáo cũng có đánh nhau với bị hại T2 và bị hại T1 bằng tay và nón bảo hiểm. Do đó, không đủ căn cứ để xác định bị cáo phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra. Đối với hành vi của bị hại T2 và bị hại T1, Hội đồng xét xử đã xem xét áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ “bị hại cũng có lỗi” theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8]. Về xử lý vật chứng: Đối với 02 (hai) tờ giấy bạc Polime, mỗi tờ mệnh giá 200.000 đồng, 01 (một) điện thoại di động và 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu bạc là tài sản của bị cáo nên tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án. Các vật chứng còn lại là công cụ phạm tội không có giá trị sử dụng hoặc những vật khác không có giá trị hoặc không sử dụng được nên tịch thu, tiêu hủy.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm a, n khoản 1 Điều 123; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố: Bị cáo Đặng Minh K phạm tội “Giết người”.

1. Xử phạt bị cáo Đặng Minh K 16 (Mười sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14 tháng 4 năm 2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Đặng Minh K và người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Minh T1 và bị hại Lê Văn T2, cụ thể như sau:

- Bị cáo Đặng Minh K bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Minh T1 là ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thúy D với số tiền là 204.000.000 (Hai trăm lẻ bốn triệu) đồng, được khấu trừ số tiền 50.000.000 ông Đặng Minh Q đã bồi thường trước, còn lại bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền 154.000.000 (Một trăm năm mươi bốn triệu) đồng.

- Bị cáo Đặng Minh K bồi thường cho bị hại Lê Văn T2 với số tiền là 61.618.465 (Sáu mươi một triệu sáu trăm mười tám nghìn bốn trăm sáu mươi lăm) đồng, được khấu trừ số tiền 15.000.000 ông Đặng Minh Q đã bồi thường trước, còn lại bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền là 46.618.465 (Bốn mươi sáu triệu sáu trăm mười tám nghìn bốn trăm sáu mươi lăm) đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đặng Minh Q và bà Trần Thị Thanh T về việc liên đới cùng bị cáo Đặng Minh K bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Minh T1 và bị hại Lê Văn T2.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án:

- 02 (Hai) tờ giấy bạc Polime, mỗi tờ mệnh giá 200.000 đồng.

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J5, màu vàng, số IMEI: 352700/07/817139/3, sim số kèm theo 0328.733.990.

- 01 (Một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu bạc.

Tịch thu và tiêu hủy:

- 01 (Một) cái quần jeans màu xanh, phía sau lưng có dòng chữ “NEW FASHION UNIVER SITE”.

- 01 (Một) cây dao xếp dài 26,5 cm; cán dao bằng kim loại màu trắng dài 13,5 cm, trên cán dao có một đoạn được ốp gỗ màu đỏ; lưỡi dao bằng kim loại màu trắng, mũi dao nhọn dài 13 cm.

- 01 (Một) cây dao Thái lan dài 23 cm; cán dao bằng gỗ màu xám vàng dài 11,5 cm; lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 11,5 cm, sắc bén một bề, mũi dao nhọn.

- 01 (Một) cái áo sơ mi nam, sọc trắng - đen, phía sau cổ áo có dòng chữ “P.O CLASSIC 3XL”.

- 01 (Một) cái nón kết, mũi nón màu đen, thân nón màu xanh.

- 01 (Một) đôi dép quay da, đế dép bằng nhựa, trên quay dép có móc gài, trên móc gài và nền dép có dòng chữ “Dr Martens”.

- 01 (Một) cái áo sơ mi dài tay sọc xanh – đen, trên áo có nhiều logo in chữ “FASHION”, trên áo có nhiều vết đứt vải.

- 01 (Một) cái quần jeans màu xanh – đen, phía ngoài lưng quần có logo màu da bò in dòng chữ “JEANS COLLECTION”, bên trong lưng quần có dòng chữ “FASHION”.

- 01 (Một) cái áo sơ mi dài tay, nền trắng sọc đen, trên áo có vết đứt vải vùng ngực trái.

- 01 (Một) cái quần jeans màu nâu đen.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/9/2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hậu Giang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Đặng Minh K phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 10.030.000 (Mười triệu không trăm ba mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo; bị hại; người đại diện hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong

thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại TP.HCM; (1b)
- VKSND tỉnh Hậu Giang; (3b)
- Trại tạm giam; (1b)
- Công an tỉnh Hậu Giang; (3b)
- Bị cáo; đương sự; (7b)
- Cục THADS tỉnh Hậu Giang; (1b)
- Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang; (1b)
- CA xã nơi bị cáo cư trú; (1b)
- Lưu: HSYA, THS, VP. (5b)

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Thanh